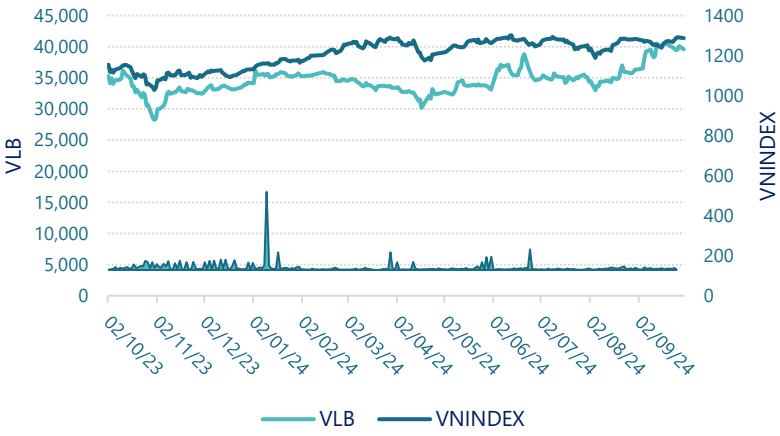
CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (UPCOM: VLB)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**39,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	40,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,246
SL cổ phiếu LH	46,720,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	239,535
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,850
P/E	8.7
EPS	4,530

DT thuần

Q3/24

315

tỷ VNĐ

QoQ: ▼24.0| -7.0%

YoY: ▲ 96.0| 43.9%

LN sau thuế

Q3/24

50.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.30| -4.4%

YoY: ▲ 30.2| 147%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

20.1%

+/- YoY: ▲ 8.4%

DT thuần

9T 2024

945

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 233| 32.7%

LN sau thuế

9T 2024

155

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 68.3| 79.1%

ROE

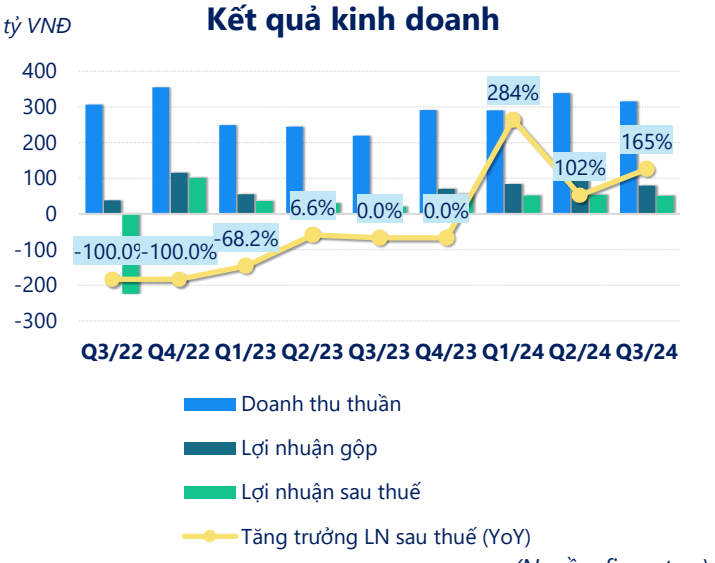
Q3/24

31.7%

+/- YoY: ▼ 5.3%

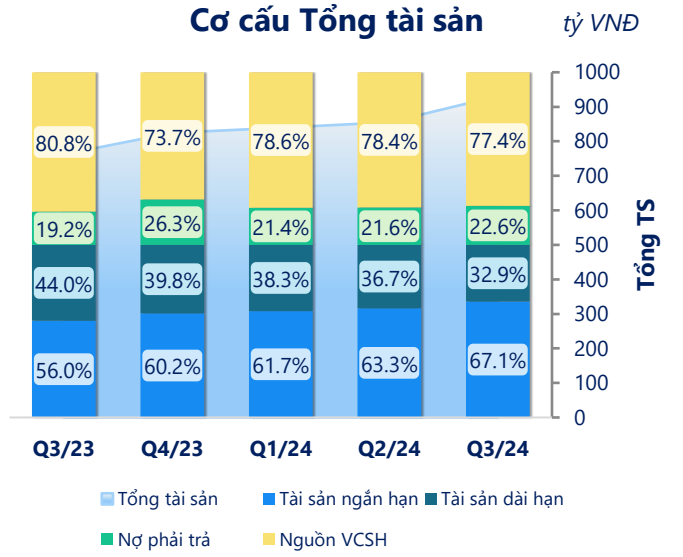
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



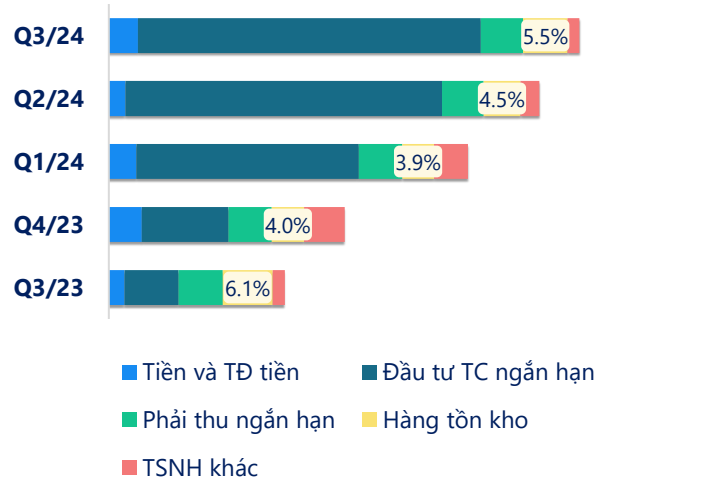
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



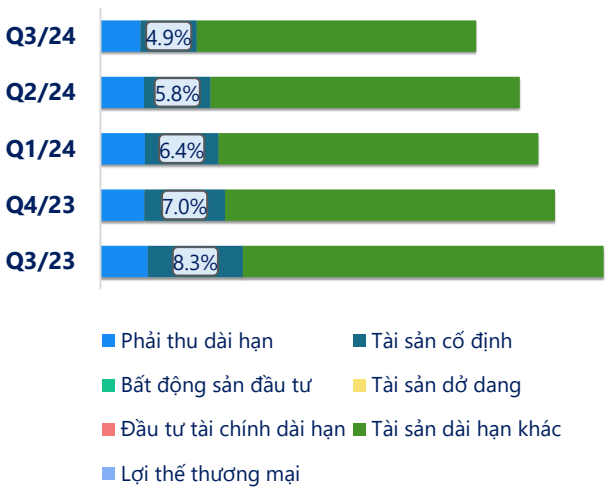
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



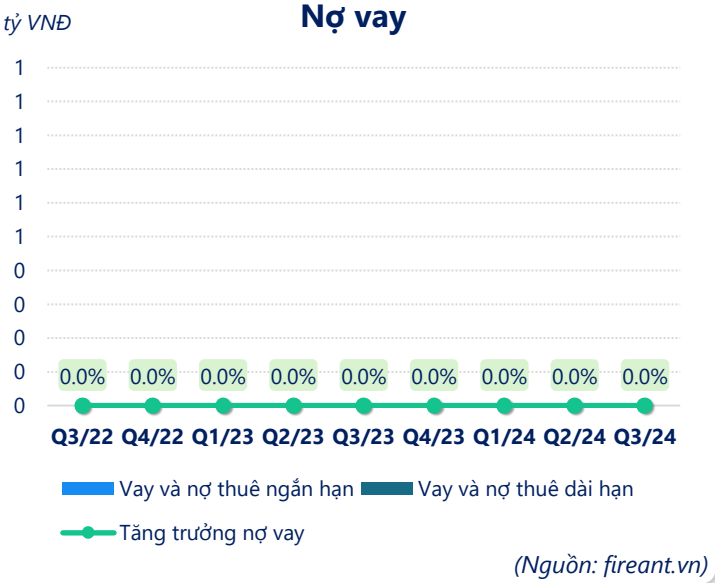
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



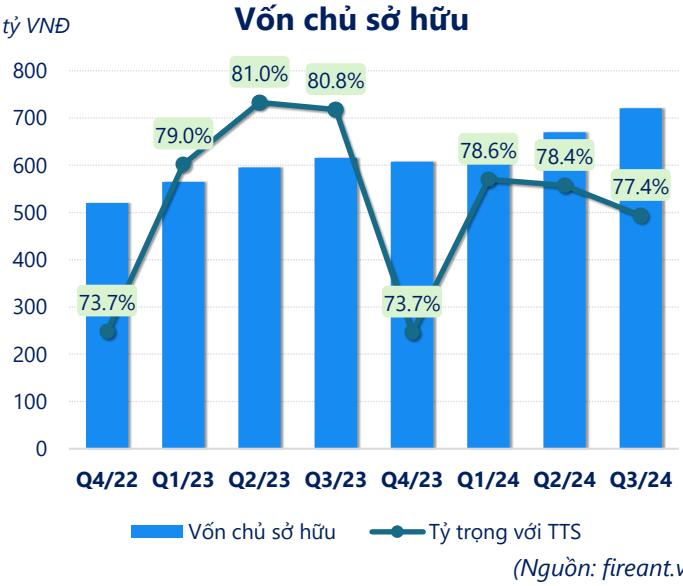
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



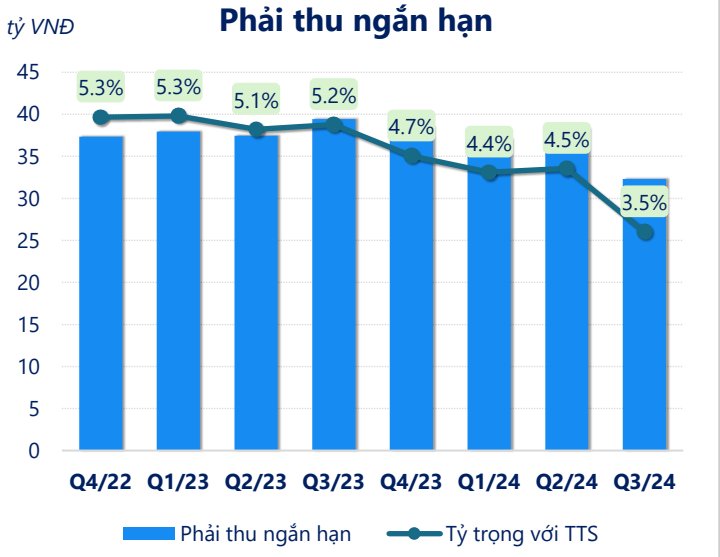
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



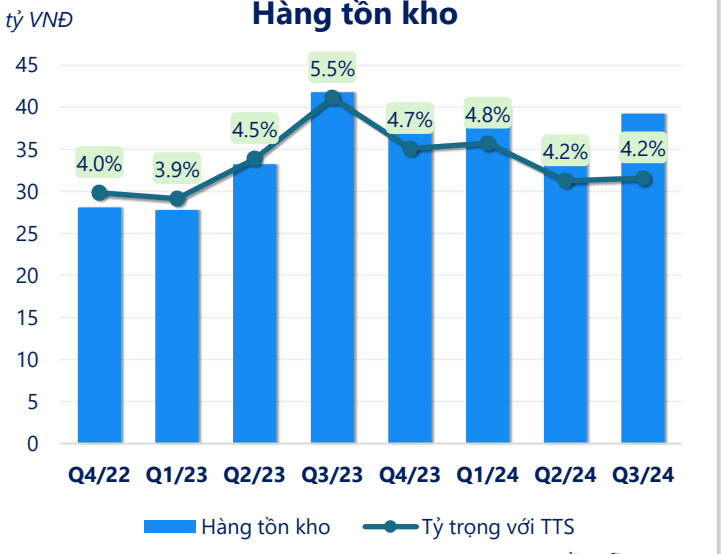
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



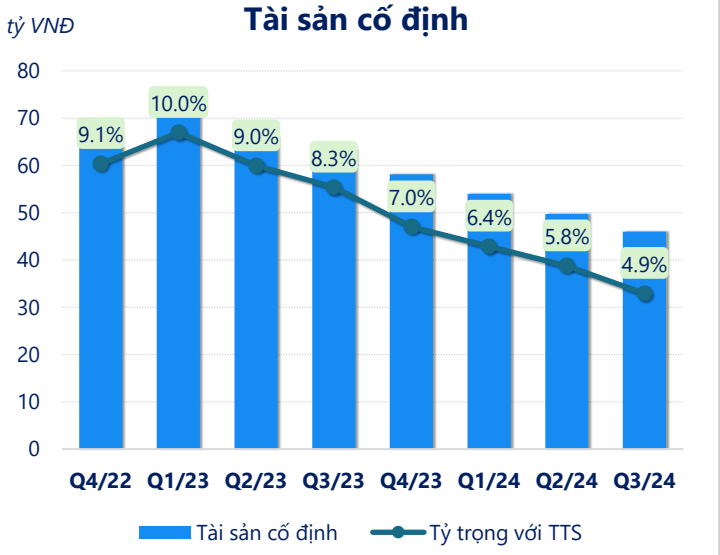
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



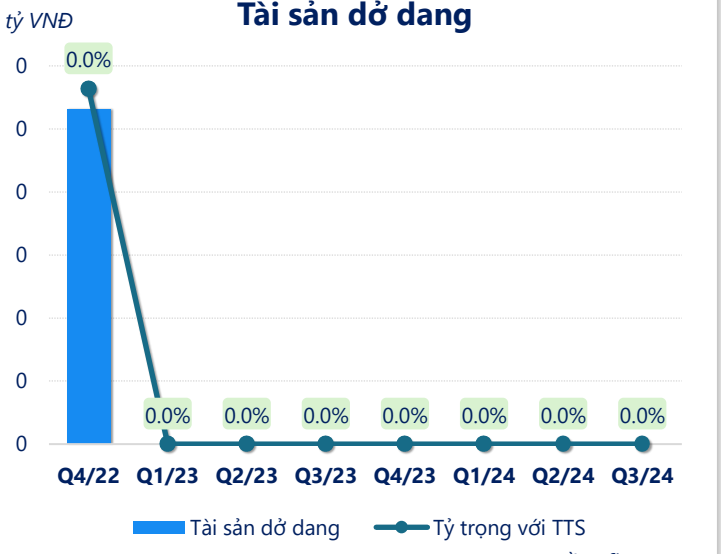
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



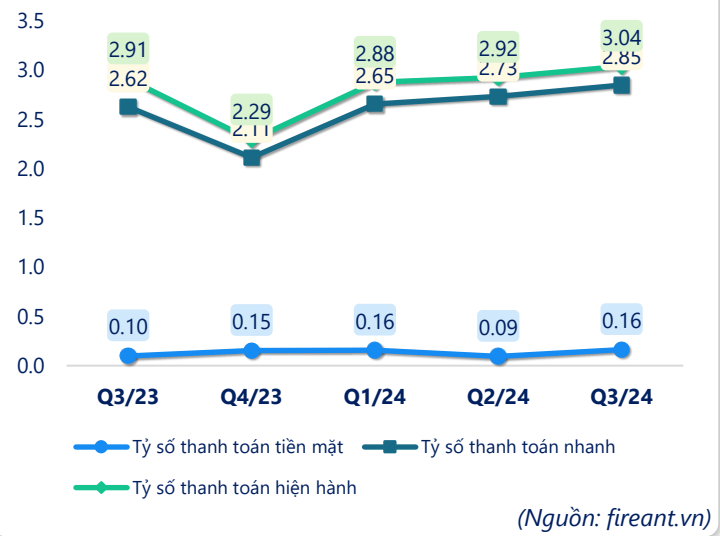
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



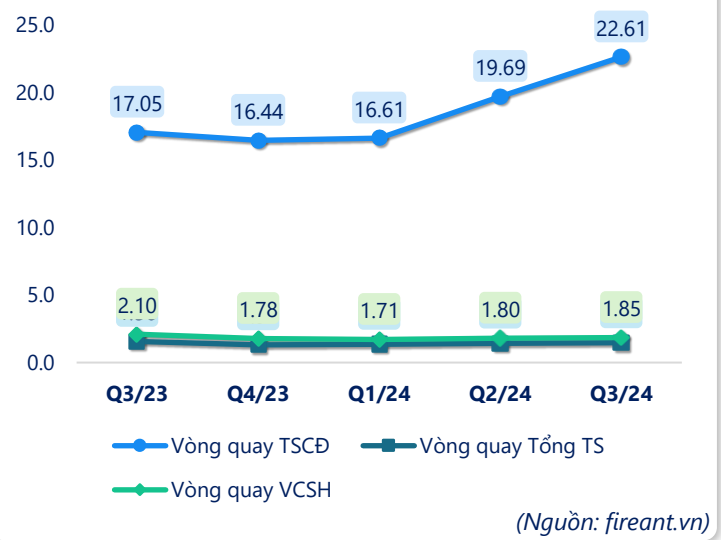
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**762**	**824**	**839**	**855**	**931**
Tài sản ngắn hạn	**427**	**496**	**517**	**541**	**625**
Tiền và tương đương tiền	14.6	33.2	28.2	17.4	33.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	320	375	412	450	520
Phải thu ngắn hạn	39.4	38.5	37.1	38.3	32.3
Hàng tồn kho	41.8	38.6	40.0	35.6	39.2
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	11.0	0.20	0.06	0.03
Tài sản dài hạn	**336**	**328**	**322**	**314**	**306**
Phải thu dài hạn	31.7	31.7	32.6	32.6	32.6
Tài sản cố định	63.3	58.1	54.0	49.7	46.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	241	238	235	231	228
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**147**	**217**	**180**	**185**	**210**
Nợ ngắn hạn	**147**	**217**	**180**	**185**	**206**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	25.1	23.5	25.6	24.6	25.6
Nợ dài hạn	0	0	0	0	4.69
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**616**	**607**	**659**	**670**	**721**
Vốn chủ sở hữu	**616**	**607**	**659**	**670**	**721**
Vốn điều lệ	469	469	469	469	469
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)